

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:1738/ KSBT-PCBTN

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 10 năm 2026

V/v cung ứng hoá chất cho các
địa phương chủ động khắc phục
hậu quả thiên tai năm 2026.

Kính gửi:

- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trạm Y tế các xã, phường, đặc khu.

Căn cứ Kế hoạch số 1580/KH-KSBT ngày 18/9/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trong tình huống xảy ra thiên tai (bão, lũ) trên địa bàn tỉnh năm 2026;

Căn cứ báo cáo số lượng hoá chất hiện còn tồn tại các Trạm Y tế và nhu cầu đề xuất hỗ trợ hoá chất để xử lý môi trường, xử lý nước sạch, phòng ngừa nguy cơ dịch bệnh trước, trong và sau thiên tai của các địa phương;

Để chủ động triển khai các biện pháp xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi có kế hoạch cung ứng hoá chất cho các địa phương chủ động khắc phục hậu quả thiên tai năm 2026(*Phụ lục phân bổ đính kèm*).

Kính đề nghị các đơn vị có kế hoạch tiếp nhận và sử dụng hiệu quả.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (báo cáo);
- Lãnh đạo TT KSBT tỉnh;
- Khoa Dược – Vật tư y tế;
- Phòng TC – KT;
- Lưu: VT. Khoa PCBTN.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Phạm Đức Dũng
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 08/10/2026 12:40:05

Phạm Đức Dũng

Phụ lục

**CẤP PHÁT HOÀ CHẤT CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG CHỦ ĐỘNG KHẮC
PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM 2026**

(Kèm theo công văn số 1738/KSBT-PCBTN ngày 08 /10/2026)

Stt	Địa Phương	Aquatabs (viên) HDS: 11/2029	Cloramin B (kg) HDS: 09/2030	Cloramin B (viên) HDS: 09/2027
1	X. Tịnh Khê	2000	5	1000
2	P. Trương Quang Trọng	0	5	1000
3	X. An Phú	2000	5	2000
4	P. Cẩm Thành	2000	5	1000
5	P. Nghĩa Lộ	2000	5	1000
6	X. Nguyễn Nghiêm	2000	5	1000
7	P. Sa Huỳnh	1000	5	2000
8	X. Bình Chương	2000	5	2000
9	X. Vạn Tường	1000	5	1000
10	X. Ba Gia	3000	5	1000
11	X. Sơn Tịnh	1000	5	1000
12	X. Thọ Phong	1000	5	1000
13	X. Tư Nghĩa	3000	5	1000
14	X. Vệ Giang	3000	5	1000
15	X. Nghĩa Giang	3000	5	2000
16	X. Nghĩa Hành	3000	5	1000
17	X. Đinh Cương	3000	5	2000
18	X. Thiện Tín	3000	5	1000
19	X. Phước Giang	3000	5	1000
20	X. Mỏ Cày	1000	5	1000
21	X. Trà Bồng	500	5	1000
22	X. Đông Trà Bồng	500	5	1000
23	X. Tây Trà	500	5	1000
24	X. Thanh Bồng	500	5	1000
25	X. Cà Đam	200	5	1000
26	X. Tây Trà Bồng	300	5	1000
27	X. Sơn Linh	500	5	1000

28	X. Sơn Hà	500	5	1000
29	X. Sơn Kỳ	300	5	500
30	X. Sơn Tây	300	5	500
31	X. Sơn Tây Thượng	500	5	1000
32	X. Sơn Tây Hạ	500	5	1000
33	X. Minh Long	1000	5	0
34	X. Sơn Mai	1000	5	500
35	X. Ba Vì	1000	5	500
36	X. Ba Vinh	1000	5	500
37	X. Ba Động	500	5	0
38	X. Đặng Thùy Trâm	1000	5	500
39	X. Ba Xa	1000	5	0
40	Đặc khu Lý Sơn	0	5	500
41	P. Đăk BLa	500	5	500
42	P. Đăk Cấm	1000	5	500
43	P. Kon Tum	2000	5	1000
44	X. Đăk Rơ Wa	2000	5	500
45	X. Ia Chim	1500	5	400
46	X. Ngọc Bay	1500	5	500
47	X. Đăk Pxi	500	5	300
48	X. Đăk Mar	500	5	200
49	X. Đăk Ui	500	5	200
50	X. Ngọc Réo	500	5	200
51	X. Đăk Hà	500	5	200
52	X. Ngọc Tụ	500	5	200
53	X. Đăk Tô	500	5	200
54	X. Kon Đào	500	5	200
55	X. Bờ Y	500	5	200
56	X. Sa Loong	1000	5	200
57	X. Dục Nông	1000	5	200
58	X. Xốp	1000	5	200
59	X. Ngọc Linh	1000	5	1000
60	X. Đăk Plô	500	5	500
61	X. Đăk Pék	1000	5	1000
62	X. Đăk Môn	1000	5	1000

63	X. Đăk Long	1000	5	1000
64	X. Đăk Sao	500	5	500
65	X. Đăk Tờ Kan	500	5	500
66	X. Tu Mơ Rông	500	5	500
67	X. Măng Ri	500	5	500
68	X. Đăk Kôl	0	5	500
69	X. Kon Braih	300	5	500
70	X. Đăk Rve	300	5	500
71	X. Măng Đen	600	5	1000
72	X. Sa Thầy	2000	5	1000
73	X. Sa Bình	2000	5	1000
74	X. Mô Rai	2000	5	1000
75	X. Rờ Koi	500	5	500
76	X. Ya Ly	500	5	500
77	X. Ia Tơi	2000	5	1000
78	X. Ia Đal	2000	5	1000
79	P. Trà Câu	2000	0	500
80	P. Đức Phổ	1500	0	2000
81	X. Khánh Cường	1000	0	1000
82	X. Bình Sơn	3000	0	1000
83	X. Đông Sơn	3000	0	2000
84	X. Trường Giang	3000	0	2000
85	X. Trà Giang	2000	0	1000
86	X. Long Phụng	1000	0	1000
87	X. Mộ Đức	500	0	1000
88	X. Lân Phong	3000	0	1000
89	X. Sơn Hạ	2000	0	1000
90	X. Sơn Thủy	2000	0	0
91	X. Ba Tô	1000	0	500
92	X. Ba Đình	1000	0	500
93	X. Ba Tơ	1000	0	500
94	X. Măng Bút	0	0	500
95	X. Kon Plông	0	0	500
	Tổng	114.300	390	75.400